**Trường ĐH Hàng hải Việt Nam**

**Xét tuyển theo 3 phương thức độc lập**

Năm 2020, Trường ĐH Hàng hải Việt Nam tuyển sinh trong cả nước thí sinh đã tốt nghiệp THPT hoặc tương đương. Tổng chỉ chỉ tiêu trình độ ĐH chính quy của trường là 3.200 sinh viên với 46 chuyên ngành đào tạo theo 3 phương thức xét tuyển độc lập:

**Phương thức 1:** Xét tuyển dựa trên kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2020. Áp dụng cho toàn bộ các chuyên ngành.

**Phương thức 2:**Xét tuyển thẳng kết hợp áp dụng cho toàn bộ các chuyên ngành đối với những thí sinh có tổng điểm các môn thi tốt nghiệp THPT năm 2020 trong tổ hợp môn xét tuyển đạt ngưỡng chất lượng đầu vào theo quy định của nhà trường và đáp ứng một trong các hình thức sau:

***Hình thức 1:*** Có chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế **IELTS 5.0** hoặc **TOEFL 499 ITP** hoặc **TOEFL 45 iBT hoặc Toeic (L&R) 595** trở lên trong thời hạn *(tính đến ngày 30-8-2020).*

***Hình thức 2:***  Đạt các giải Nhất, Nhì, Ba các môn thi Toán, Vật lý, Hoá học, Sinh học, Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý, Tin học và Ngoại ngữ trong kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh, thành phố trở lên.

***Hình thức 3:***  Học 3 năm THPT tại các lớp chuyên: Toán, Vật Lý, Hóa học, Sinh học, Ngữ văn, Tiếng Anh, Tin học thuộc các trường chuyên cấp tỉnh/thành phố. Có học lực Khá trở lên và hạnh kiểm Tốt các năm lớp 10, 11, 12.

- **Phương thức 3:** Xét tuyển dựa trên kết quả học tập và rèn luyện THPT (xét học bạ) với 30% chỉ tiêu. Áp dụng 27 chuyên ngành thuộc nhóm **Kỹ thuật & Công nghệ,**2 chuyên ngành thuộc nhóm **Chất lượng cao** (chuyên ngành Công nghệ thông tin Chất lượng cao và Điện tự động công nghiệp Chất lượng cao), và 2 chuyên ngành thuộc nhóm **Chọn**(chuyên ngành Điều khiển tàu biển và Khai thác máy tàu biển).

Trong năm 2020, nhà trường tuyển sinh cho **46** chuyên ngành đào tạo bậc đại học chính quy cụ thể như sau:

| **Chuyên ngành** | | **Mã chuyên ngành** | **Tổ hợp** | **Chỉ tiêu** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nhóm kỹ thuật & Công nghệ (27 Chuyên ngành)** | | | | |
| 1. Điều khiển tàu biển | | 7840106D101 | A00  A01  C01  D01 | 130 |
| 2. Khai thác máy tàu biển | | 7840106D102 | 90 |
| 3. Quản lý hàng hải | | 7840106D129 | 30 |
| 4. Điện tử viễn thông | | 7520207D104 | 90 |
| 5. Điện tự động giao thông vận tải | | 7520216D103 | 45 |
| 6. Điện tự động công nghiệp | | 7520216D105 | 90 |
| 7. Tự động hóa hệ thống điện | | 7520216D121 | 90 |
| 8. Máy tàu thủy | | 7520122D106 | 45 |
| 9. Thiết kế tàu & công trình ngoài khơi | | 7520122D107 | 45 |
| 10. Đóng tàu & công trình ngoài khơi | | 7520122D108 | 45 |
| 11. Máy & tự động hóa xếp dỡ | | 7520103D109 | 45 |
| 12. Kỹ thuật cơ khí | | 7520103D116 | 90 |
| 13. Kỹ thuật cơ điện tử | | 7520103D117 | 60 |
| 14. Kỹ thuật ô tô | | 7520103D122 | 60 |
| 15. Kỹ thuật nhiệt lạnh | | 7520103D123 | 45 |
| 16. Máy & tự động công nghiệp | | 7520103D128 | 45 |
| 17. Xây dựng công trình thủy | | 7580203D110 | 45 |
| 18. Kỹ thuật an toàn hàng hải | | 7580203D111 | 45 |
| 19. Xây dựng dân dụng & công nghiệp | | 7580201D112 | 75 |
| 20. Công trình giao thông & cơ sở hạ tầng | | 7580205D113 | 45 |
| 21. Công nghệ thông tin | | 7480201D114 | 100 |
| 22. Công nghệ phần mềm | | 7480201D118 | 45 |
| 23. Kỹ thuật truyền thông & mạng máy tính | | 7480201D119 | 45 |
| 24. Kỹ thuật môi trường | | 7520320D115 | 90 |
| 25. Kỹ thuật công nghệ hóa học | | 7520320D126 | 45 |
| 26. Quản lý công trình xây dựng | | 7580201D130 | 30 |
| 27. Kiến trúc & nội thất *(Vẽ MT hệ số 2)*  *Đăng ký thi vẽ mỹ thuật từ 01/07/2020* | | 7580201D127 | H01, H02  H03, H04 | 30 |
| **NHÓM NGOẠI NGỮ (02 Chuyên ngành)** | | | | |
| 28. Tiếng Anh thương mại | *Tiếng Anh hệ số 2* | 7220201D124 | D01, A01  D10, D14 | 90 |
| 29. Ngôn ngữ Anh | 7220201D125 | 90 |
| **NHÓM KINH TẾ & LUẬT (08 Chuyên ngành)** | | | | |
| 30. Kinh tế vận tải biển | | 7840104D401 | A00, A01  C01, D01 | 135 |
| 31. Kinh tế vận tải thủy | | 7840104D410 | 60 |
| 32. Logistics & chuỗi cung ứng | | 7840104D407 | 135 |
| 33. Kinh tế ngoại thương | | 7340120D402 | 130 |
| 34. Quản trị kinh doanh | | 7340101D403 | 80 |
| 35. Quản trị tài chính kế toán | | 7340101D404 | 135 |
| 36. Quản trị tài chính ngân hàng | | 7340101D411 | 45 |
| 37. Luật hàng hải | | 7380101D120 | 90 |
| **CHƯƠNG TRÌNH CHẤT LƯỢNG CAO (04 Chuyên ngành)** | | | | |
| 38. Kinh tế vận tải biển (CLC) | | 7840104H401 | A00, A01  C01, D01 | 90 |
| 39. Kinh tế ngoại thương (CLC) | | 7340120H402 | 80 |
| 40. Điện tự động công nghiệp (CLC) | | 7520216H105 | 60 |
| 41. Công nghệ thông tin (CLC) | | 7480201H114 | 60 |
| **CHƯƠNG TRÌNH TIÊN TIẾN (03 Chuyên ngành)** | | | | |
| 42. Quản lý kinh doanh & Marketing | | 7340101A403 | D15, A01  D07, D01 | 80 |
| 43. Kinh tế Hàng hải | | 7840104A408 | 60 |
| 44. Kinh doanh quốc tế & Logistics | | 7340120A409 | 80 |
| **CHƯƠNG TRÌNH CHỌN (02 Chuyên ngành)** | | | | |
| 45. Điều khiển tàu biển | | 7840106S101 | A00, A01  C01, D01 | 30 |
| 46. Khai thác máy tàu biển | | 7840106S102 | 30 |

***Ghi chú:* Tổ hợp môn xét tuyển: A00**: Toán, Lý, Hóa; **A01**: Toán, Lý, Anh; **C01**: Toán, Văn, Lý; **D01**: Toán, Văn, Anh; **D07**: Toán, Hóa, Anh ;  **D10**: Toán, Địa, Anh; **D14**: Văn, Sử, Anh; **D15**: Văn, Địa, Anh;  **H01**: Toán, Văn, Vẽ MT; **H02**: Toán, Anh, Vẽ MT; **H03**: Toán, Lý, Vẽ MT; **H04**: Toán, Hóa, Vẽ MT;

**NGƯỠNG ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG ĐẦU VÀO**

Năm 2020, Trường ĐH Hàng hải Việt Nam quy định ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào cho từng chuyên ngành áp dụng đối với các phương thức xét tuyển cụ thể như sau:

| **Chuyên ngành** | **Mã chuyên ngành** | **Ngưỡng ĐBCL đầu vào** | | |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Phương thức 1** | **Phương thức 2** | **Phương thức 3** |
| 1. Điều khiển tàu biển | 7840106D101 | 14 | 14 | 18 |
| 2. Khai thác máy tàu biển | 7840106D102 | 14 | 14 | 18 |
| 3. Quản lý hàng hải | 7840106D129 | 14 | 14 | 18 |
| 4. Điện tử viễn thông | 7520207D104 | 14 | 14 | 18 |
| 5. Điện tự động giao thông vận tải | 7520216D103 | 14 | 14 | 18 |
| 6. Điện tự động công nghiệp | 7520216D105 | 14 | 14 | 18 |
| 7. Tự động hóa hệ thống điện | 7520216D121 | 14 | 14 | 18 |
| 8. Máy tàu thủy | 7520122D106 | 14 | 14 | 18 |
| 9. Thiết kế tàu & công trình ngoài khơi | 7520122D107 | 14 | 14 | 18 |
| 10. Đóng tàu & công trình ngoài khơi | 7520122D108 | 14 | 14 | 18 |
| 11. Máy & tự động hóa xếp dỡ | 7520103D109 | 14 | 14 | 18 |
| 12. Kỹ thuật cơ khí | 7520103D116 | 14 | 14 | 18 |
| 13. Kỹ thuật cơ điện tử | 7520103D117 | 14 | 14 | 18 |
| 14. Kỹ thuật ô tô | 7520103D122 | 14 | 14 | 18 |
| 15. Kỹ thuật nhiệt lạnh | 7520103D123 | 14 | 14 | 18 |
| 16. Máy & tự động công nghiệp | 7520103D128 | 14 | 14 | 18 |
| 17. Xây dựng công trình thủy | 7580203D110 | 14 | 14 | 18 |
| 18. Kỹ thuật an toàn hàng hải | 7580203D111 | 14 | 14 | 18 |
| 19. Xây dựng dân dụng & công nghiệp | 7580201D112 | 14 | 14 | 18 |
| 20. Công trình giao thông & cơ sở hạ tầng | 7580205D113 | 14 | 14 | 18 |
| 21. Công nghệ thông tin | 7480201D114 | 14 | 14 | 18 |
| 22. Công nghệ phần mềm | 7480201D118 | 14 | 14 | 18 |
| 23. Kỹ thuật truyền thông & mạng máy tính | 7480201D119 | 14 | 14 | 18 |
| 24. Kỹ thuật môi trường | 7520320D115 | 14 | 14 | 18 |
| 25. Kỹ thuật công nghệ hóa học | 7520320D126 | 14 | 14 | 18 |
| 26. Quản lý công trình xây dựng | 7580201D130 | 14 | 14 | 18 |
| 27. Kiến trúc & nội thất | 7580201D127 | 14 | 14 | 18 |
| 28. Tiếng Anh thương mại | 7220201D124 | 14 | 14 | - |
| 29. Ngôn ngữ Anh | 7220201D125 | 14 | 14 | - |
| 30. Kinh tế vận tải biển | 7840104D401 | 14 | 14 | - |
| 31. Kinh tế vận tải thủy | 7840104D410 | 14 | 14 | - |
| 32. Logistics & chuỗi cung ứng | 7840104D407 | 14 | 14 | - |
| 33. Kinh tế ngoại thương | 7340120D402 | 14 | 14 | - |
| 34. Quản trị kinh doanh | 7340101D403 | 14 | 14 | - |
| 35. Quản trị tài chính kế toán | 7340101D404 | 14 | 14 | - |
| 36. Quản trị tài chính ngân hàng | 7340101D411 | 14 | 14 | - |
| 37. Luật hàng hải | 7380101D120 | 14 | 14 | - |
| 38. Kinh tế vận tải biển (CLC) | 7840104H401 | 14 | 14 | - |
| 39. Kinh tế ngoại thương (CLC) | 7340120H402 | 14 | 14 | - |
| 40. Điện tự động công nghiệp (CLC) | 7520216H105 | 14 | 14 | 18 |
| 41. Công nghệ thông tin (CLC) | 7480201H114 | 14 | 14 | 18 |
| 42. Quản lý kinh doanh & Marketing | 7340101A403 | 14 | 14 | - |
| 43. Kinh tế Hàng hải | 7840104A408 | 14 | 14 | - |
| 44. Kinh doanh quốc tế & Logistics | 7340120A409 | 14 | 14 | - |
| 45. Điều khiển tàu biển (Chọn) | 7840106S101 | 14 | 14 | 18 |
| 46. Khai thác máy tàu biển (Chọn) | 7840106S102 | 14 | 14 | 18 |

***Lưu ý:****Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào là tổng điểm ba môn trong tổ hợp môn xét tuyển, không nhân hệ số, cộng với điểm ưu tiên (nếu có).*

**Điều kiện đăng ký và hồ sơ xét tuyển**

***Đối với phương thức 1:*** Xét tuyển dựa trên điểm thi Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2020 do Bộ GD-ĐT tổ chức. Điều kiện nhận đăng ký xét tuyển: đã tốt nghiệp THPT hoặc tương đương năm 2020. Tổng điểm các môn thi trong tổ hợp xét tuyển cộng điểm ưu tiên (nếu có) đạt mức điểm nhận hồ sơ xét tuyển của trường. Đối với chuyên ngành Kiến trúc và nội thất, thí sinh phải có kết quả thi môn Vẽ mỹ thuật do các trường ĐH tổ chức thi trong các năm 2018; 2019; 2020. Thí sinh đăng ký nguyện vọng và nộp lệ phí xét tuyển tại trường THPT hoặc các điểm tiếp nhận đăng ký do các sở GD-ĐT quy định.

***Đối với phương thức 2:*** xét tuyển thẳng kết hợp. Áp dụng cho toàn bộ các chuyên ngành. Điều kiện nhận đăng ký xét tuyển: đã tốt nghiệp THPT hoặc tương đương năm 2020; có chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế **IELTS 5.0** hoặc **TOEFL 499 ITP** hoặc **TOEFL 45 iBT hoặc Toeic (L&R) 595** trở lên trong thời hạn *(tính đến ngày 30-8-2020);*hoặc có giấy chứng nhận đạt các giải Nhất, Nhì, Ba các môn thi gồm: Toán, Vật lý, Hoá học, Sinh học, Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý, Tin học và Ngoại ngữ trong kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh/thành phố trở lên; hoặc học 3 năm THPT tại các lớp chuyên: Toán, Vật Lý, Hóa học, Sinh học, Ngữ văn, Tiếng Anh, Tin học thuộc các trường chuyên cấp Tỉnh/Thành phố với học lực Khá trở lên và hạnh kiểm Tốt các năm lớp 10, 11, 12. Tổng điểm các môn thi trong tổ hợp xét tuyển cộng điểm ưu tiên (nếu có) đạt mức điểm nhận hồ sơ xét tuyển của trường. Đối với chuyên ngành Kiến trúc và nội thất, thí sinh phải có kết quả thi môn Vẽ Mỹ thuật do các trường ĐH tổ chức thi trong các năm 2018; 2019; 2020.

*Trường hợp có nhiều thí sinh đăng ký xét tuyển thẳng vào cùng một chuyên ngành thì ưu tiên thí sinh có tổng điểm xét tuyển cao hơn.*

Hồ sơ và lệ phí đăng ký xét tuyển theo phương thức 2 gồm: Phiếu đăng ký xét tuyển thẳng kết hợp (*theo mẫu*); Bản sao *(công chứng)* chứng chỉ Tiếng Anh còn trong thời hạn sử dụng *(tính đến ngày 30/8/2020)*hoặc bản sao giấy chứng nhận đạt các giải Nhất, Nhì, Ba các môn thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh, thành phố trở lên hoặc bản sao Học bạ THPT *(công chứng)* đối với các thí sinh học tại các lớp chuyên thuộc các trường chuyên cấp tỉnh/thành phố; Bản sao kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2020; Giấy chứng nhận ưu tiên *(nếu có ưu tiên)*. Lệ phí xét tuyển: **30.000** đồng/1 nguyện vọng.

***Đối với phương thức 3:*** xét tuyển dựa trên kết quả học tập và rèn luyện THPT (xét học bạ). Điều kiện nhận đăng ký xét tuyển: tốt nghiệp THPT hoặc tương đương năm 2018; 2019; 2020; hạnh kiểm lớp 12 xếp loại Khá trở lên; tổng Điểm trung bình học tập các môn trong tổ hợp xét tuyển cộng điểm ưu tiên (nếu có) đạt mức điểm nhận hồ sơ xét tuyển của trường. Đối với chuyên ngành Kiến trúc và nội thất, thí sinh phải có kết quả thi môn Vẽ Mỹ thuật do các trường ĐH tổ chức thi trong các năm 2018; 2019; 2020.

*Trong đó:* Điểm trung bình học tập các môn trong tổ hợp xét tuyển = (Tổng điểm trung bình 03 môn trong tổ hợp xét tuyển trong 03 năm lớp 10, 11, 12)/3

Hồ sơ, lệ phí đăng ký xét tuyển đối với phương thức 3 gồm: Bản sao *(công chứng)* học bạ THPT; Phiếu đăng ký xét tuyển theo kết quả 3 năm THPT *(theo mẫu);* Giấy chứng nhận ưu tiên *(nếu có ưu tiên)*. Lệ phí xét tuyển: **30.000** đồng/1 nguyện vọng.

**Thời gian, địa điểm tiếp nhận hồ sơ**

**Đối với phương thức 1**: Xét tuyển dựa trên điểm thi Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2020, thời gian nộp hồ sơ theo lịch của Bộ GD-ĐT; thí sinh đăng ký tại các trường THPT hoặc các điểm tiếp nhận đăng ký do các sở GD-ĐT quy định.

**Đối với phương thức 2:**Xét tuyển thẳng kết hợp, thời gian tiếp nhận hồ sơ xét tuyển: từ ngày **15-8 đến 30-8-2020.** Thí sinh có thể nộp trực tiếp hoặc gửi chuyển phát qua bưu điện.

**Đối với phương thức 3:** xét tuyển dựa trên kết quả học tập và rèn luyện THPT (xét học bạ), thời gian tiếp nhận hồ sơ xét tuyển: từ ngày **1-7 đến 30-8-2020.** Thí sinh có thể nộp trực tiếp hoặc gửi chuyển phát qua bưu điện.

Đối với các thí sinh đăng ký dự thi môn năng khiếu Vẽ mỹ thuật dùng trong xét tuyển vào chuyên ngành Kiến trúc & nội thất, thời gian tiếp nhận hồ sơ xét tuyển: từ ngày **1-7 đến 15-8-2020. Tổ chức thi trước 30-8-2020.** Thí sinh có thể nộp trực tiếp hoặc gửi chuyển phát qua bưu điện về Phòng Đào tạo - Trường ĐH Hàng hải Việt Nam (484 Lạch Tray, Q.Lê Chân, TP Hải Phòng). Lệ phí thi tuyển: **300.000** đồng.